

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-PT
Ngày 11 - 4 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Ngọc và Ông Lương Đức Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLPT-HN&GD ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 34/2018/HNGĐ-ST ngày 04-12-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đăk R’láp bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2019/QĐ-PT ngày 18-3-2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2019/QĐ-PT ngày 02-4-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quách Thị H - Có mặt;

Địa chỉ: Thôn Z, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Đậu Thị H; địa chỉ: Số W T, D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Quân, Luật sư Công ty luật hợp danh Quốc Việt thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: Số 199 Tân Sơn, D.15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn T - Có mặt;

Địa chỉ: Thôn Z, xã N, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Đạt, Luật sư Văn phòng luật sư Hoài An thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đăk Nông - Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Phạm Thị C - Có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị T - Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.3. Anh Phạm Văn B - Vắng mặt;

Địa chỉ: Đội U, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

3.4. Anh Phạm Văn K - Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn B, anh Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị T: Chị Phạm Thị C - Có mặt.

3.5. Anh Phạm Văn L - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.6. Anh Trần Ngọc C - Có mặt, chị Trịnh Thị H - Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.7. Anh Tạ Văn T - Vắng mặt.

3.8. Chị Trần Thị T - Có mặt.

3.9. Chị Phạm Thị T - Có mặt.

3.10. Chị Nguyễn Thị S - Có mặt.

3.11. Bà Phạm Thị M - Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Z, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị M: Anh Phạm Minh X; địa chỉ: Thôn Z, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

3.12. Chị Đỗ Thị H - Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

3.13. Chị Huỳnh Thị Yến L - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn I, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3.14. Ngân hàng N Việt Nam.

Địa chỉ: Số F, đường T, quận T, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Bá T - Chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch N - Chi nhánh N tỉnh Đ - Vắng mặt.

5. Người kháng cáo, kháng nghị: Ông Phạm Văn T là bị đơn và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-3-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Quách Thị H trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T kết hôn năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn thời gian đầu

sống hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, không cùng quan điểm sống dẫn đến không thông cảm cho nhau, hai bên đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T có 03 con chung là cháu Phạm Thị Kiều N, sinh năm 1998; Phạm Thị Kiều P, sinh năm 2001 và Phạm Thành T, sinh năm 2012. Chị có nguyện vọng nuôi 02 con chưa thành niên là Phạm Thị Kiều P và Phạm Thành T đến tuổi trưởng thành. Cháu Phạm Thị Kiều N đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng đã tạo lập được:

- Quyền sử dụng thửa đất số 93, tờ bản đồ số 85, diện tích 18.974m², đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AH 591301 ngày 15-12-2006.

- Quyền sử dụng thửa đất số 25, tờ bản đồ số 01ĐL diện tích 29.143m², đất trồng cây lâu năm, được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số AG 269426 ngày 06-9-2006. Đất và tài sản gắn liền với đất 2 thửa trên đều tọa lạc tại thôn O, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Quyền sử dụng thửa đất số 66, tờ bản đồ số 6, diện tích 594m²; đất trồng cây lâu năm; được UBND thị xã G cấp GCNQSDĐ số BO 750784 ngày 22-11-2013, tọa lạc tại thôn T, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

- Quyền sử dụng thửa đất số 230, tờ bản đồ số 16, diện tích 755m², được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số AK 238505 ngày 09-7-2007. Đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại thôn Z, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- 01 ô tô Jaisy 07 chỗ biển kiểm soát 47T-1304 mua của ông Nguyễn Văn H, do không có tiền nên chị cầm cố cho chị Th ở chợ N (họ tên cụ thể không nhớ) để lấy tiền lo cho các con; đã giao xe và giấy chứng nhận quyền sở hữu cho chị Th.

- 01 xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 48H1-100.97, đăng ký tên Quách Thị H, đã cầm cố, thời điểm cầm cố có mặt anh Phạm Văn T.

Chị yêu cầu Tòa án chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung:

- Nợ chị Nguyễn Thị S, trú tại thôn Z, xã N 135.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Hai bên có lập hợp đồng ngày 14-3-2017.

- Nợ bà Phạm Thị M, trú tại thôn Z, xã N 270.000.000 đồng, mục đích vay để chi tiêu trong gia đình. Hai bên có viết giấy vay ngày 01-01-2017.

- Nợ chị Phạm Thị T, trú tại thôn Z, xã N số tiền 220.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng. Hai bên có viết giấy vay ngày 06-3-2017.

- Nợ chị Trần Thị T, trú tại thôn Z, xã N nhiều lần tổng cộng 320.000.000 đồng, mục đích để đáo hạn ngân hàng, trả tiền thuê nhân công và làm rẫy. Hai bên có viết giấy vay tiền.

- Nợ chị Đỗ Thị H trú tại thôn T, xã Đ, thị xã G 70.000.000 đồng, mục đích vay để làm vốn buôn bán. Hai bên có viết giấy vay tiền.

- Nợ chị Huỳnh Thị Yến L trú tại thôn I, xã N 90.000.000 đồng, mục đích để xoay vòng vốn buôn bán. Hai bên có viết giấy vay ngày 14-5-2017.

Toàn bộ số nợ trên chị là người vay, anh Phạm Văn T có biết.

- Nợ Ngân hàng N Việt Nam - Phòng Giao dịch xã N số tiền gốc là 250.000.000 đồng.

- Nợ anh Tạ Văn T trú tại thôn Z, xã N 16.010.000 đồng, là tiền mua vật liệu xây dựng để xây nhà trên thửa đất tại thôn V, xã N. Chị không đồng ý với trình bày của anh Phạm Văn T là đã đưa tiền cho chị trả nợ.

Tất cả số nợ nêu trên là nợ chung của vợ chồng, yêu cầu anh Phạm Văn T cùng trả. Còn các khoản nợ khác anh Phạm Văn T trình bày chị không biết, anh Phạm Văn T vay và có nghĩa vụ trả. Đối với khoản nợ 500.000.000 đồng của Ngân hàng N Việt Nam - Phòng Giao dịch N mặc dù vay chung nhưng anh Phạm Văn T là người nhận tiền nên yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Văn T tự trả.

Bị đơn anh Phạm Văn T trình bày: Anh thừa nhận tình trạng hôn nhân như chị Quách Thị H đã trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống. Anh và chị đã ly thân từ năm 2017. Nay và xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị Quách Thị H.

Về con chung: Như trình bày của chị Quách Thị H. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị Quách Thị H cấp dưỡng. Tuy nhiên vì nguyện vọng của các con mong muốn ở với chị Quách Thị H, hiện nay đang sinh sống với chị Quách Thị H nên anh đồng ý để chị Quách Thị H tiếp tục là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trường hợp Tòa án tuyên chị Quách Thị H được nuôi 02 con chung chưa thành niên, anh đồng ý cấp dưỡng 1.000.000 đồng/con chung/tháng vào ngày 01 hàng tháng kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Tài sản chung của anh và chị Quách Thị H gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất số 66, tờ bản đồ số 6, diện tích 594m²; đất trồng cây lâu năm; được UBND thị xã G cấp GCNQSDĐ số BO 750784 ngày 22-11-2013, tọa lạc tại thôn T, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

- Xe ô tô Jaisy 07 chỗ biển kiểm soát 47T-1304 anh mua của ông Nguyễn Văn H và xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 48H1-100.97, đăng ký tên chị Quách Thị H. Cả 02 xe chị Quách Thị H đã cầm cố.

Anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Xe chị Quách Thị H đã cầm cố đề nghị hoàn trả cho anh theo giá trị.

Về tài sản riêng của anh gồm có:

- Thừa đất diện tích 18.974m² do UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ ngày 15-12-2006, thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 85. Đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại thôn V, xã N, huyện Đ. Nguồn gốc do anh vay tiền của anh ruột là Phạm Văn B 430.000.000 đồng ngày 10-3-2015 để nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị L. Thừa đất này nếu Tòa án tuyên là tài sản chung thì anh yêu cầu Tòa án buộc chị Quách Thị H cùng trả nợ.

- Thừa đất diện tích 29.143m² do UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ ngày 06-9-2006, thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 01ĐL. Đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại thôn V, xã N, huyện Đ. Nguồn gốc khi kê khai đăng ký anh ghi khai hoang năm 1997. Tuy nhiên thực tế có được do anh sử dụng tiền chuyển nhượng thửa đất tại thôn R, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng - là tài sản có trước thời kỳ hôn nhân để nhận chuyển nhượng từ vợ chồng Th M. Giữa anh với chị Quách Thị H đã thỏa thuận đây là tài sản riêng nên anh tự làm thủ tục cấp GCNQSDĐ và đứng tên. Yêu cầu Tòa án tuyên là tài sản riêng.

- Thừa đất diện tích 755m² do UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ ngày 09-7-2007, thuộc thửa đất số 230, tờ bản đồ số 16. Đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại thôn Z, xã N, huyện Đ. Nguồn gốc do anh dùng tiền chuyển nhượng thửa đất tại R, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng - là tài sản có trước thời kỳ hôn nhân để nhận chuyển nhượng một thửa đất khác, sau đó chuyển nhượng cho ông X rồi lấy tiền đó để nhận chuyển nhượng từ vợ chồng S H. Yêu cầu Tòa án tuyên là tài sản riêng.

Về nợ chung:

- Vay Ngân hàng N Việt Nam - Phòng Giao dịch xã N 02 lần tổng nợ gốc là 750.000.000 đồng.

- Nợ chị Phạm Thị C, trú tại thôn Z, xã N 200.000.000 đồng. Hai bên có lập hợp đồng cho vay tiền ngày 28-3-2017, anh là người vay, mục đích để phục vụ sinh hoạt sau khi chị Quách Thị H bỏ đi.

- Nợ anh Trần Ngọc C, chị Trịnh Thị H, trú tại thôn P, xã N 200.000.000 đồng. Hai bên có lập hợp đồng vay tiền ngày 08-11-2015, anh là người vay, mục đích để đầu tư vào vườn rẫy.

- Nợ anh Phạm Văn L, trú tại thôn V, xã N 400.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng ngày 24-3-2016; anh là người vay, mục đích để đầu tư vào vườn rẫy.

- Nợ anh Phạm Văn B, trú tại đội U, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương 430.000.000 đồng, anh vay anh Phạm Văn B ngày 10-3-2015, mục đích để nhận chuyển nhượng thửa đất số 93, tờ bản đồ số 85 tại thôn V, xã N, huyện Đ.

- Nợ anh Phạm Văn K, trú tại thôn X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 300.000.000 đồng, mục đích để giải quyết việc gia đình, anh vay tiền của anh Phạm Văn K ngày 15-10-2016.

Những khoản nợ anh vay đều phục vụ phát triển kinh tế gia đình, anh đứng tên hộ kinh doanh cá thể nên một mình ký tên. Yêu cầu Tòa án buộc chị Quách Thị H trả chung.

Đối với các khoản nợ do chị Quách Thị H vay, anh không thừa nhận là nợ chung, đề nghị Tòa án tuyên chị Quách Thị H có nghĩa vụ trả.

Riêng nợ đối với bà Nguyễn Thị T (mẹ ruột anh Phạm Văn T), trú tại thôn K, xã N, huyện Đ số tiền 20.000.000 đồng, không viết giấy tờ, bà Phạm Thị T trực tiếp đưa tiền cho chị Quách Thị H. Anh yêu cầu Tòa án buộc chị Quách Thị H có nghĩa vụ trả.

Người có quyền lợi, nghĩa liên quan chị Phạm Thị C trình bày: Chị là chị ruột của anh Phạm Văn T. Ngày 28-3-2017 anh Phạm Văn T vay của chị 200.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy tờ, anh Phạm Văn T ký, mục đích để giải quyết việc gia đình. Hai bên thỏa thuận lãi suất theo lãi suất ngân hàng, hạn đến tháng 12-2017 trả. Nay chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T ly hôn chị yêu cầu chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T phải trả cho chị số nợ gốc 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Người có quyền lợi, nghĩa liên quan bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo ủy quyền là chị Phạm Thị C trình bày: Bà Nguyễn Thị T là mẹ ruột của anh Phạm Văn T, tháng 12-2016 chị Quách Thị H vay của bà số tiền 20.000.000 đồng, do người trong gia đình nên không viết giấy tờ, thỏa thuận khi nào cần thì chị Quách Thị H phải trả. Bà Nguyễn Thị T đã nhiều lần yêu cầu nhưng chị Quách Thị H không trả. Nay chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T ly hôn bà yêu cầu chị Quách Thị H trả cho bà nợ gốc 20.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa liên quan anh Trần Ngọc C, chị Trịnh Thị H trình bày: Ngày 08-11-2015 vợ chồng anh chị cho anh Phạm Văn T vay số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay hai bên có lập hợp đồng, anh Phạm Văn T ký, mục đích vay để làm vốn kinh doanh. Hai bên thỏa thuận lãi suất theo lãi suất ngân hàng. Nay chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T ly hôn anh chị yêu cầu chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T phải trả số nợ gốc 200.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Anh chị có đơn, được chính quyền địa phương xác nhận, đề nghị cho phép anh Trần Ngọc C hoặc chị Trịnh Thị H tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa liên quan anh Tạ Văn T trình bày: Từ ngày 13 đến ngày 18-10-2016 anh có bán cho anh Phạm Văn T, chị Quách Thị H vật liệu để xây nhà rẫy tại thôn V, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Tổng số tiền là 16.010.000 đồng. Anh Phạm Văn T, chị Quách Thị H cùng nhau đến cửa hàng để mua, chị Quách Thị H ký sổ nợ vật liệu. Nay chị Quách Thị H, anh Phạm Văn T ly hôn anh yêu cầu chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T phải trả cho anh nợ gốc 16.010.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa liên quan chị Trần Thị T trình bày: Do là hàng xóm láng giềng nên trong khoảng thời gian từ ngày 18-6-2015 đến ngày 06-3-

2017 chị cho chị Quách Thị H vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 320.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy, chị Quách Thị H ký, mục đích để đáo hạn ngân hàng. Chị đã đến nhà yêu cầu trả nhiều lần, anh Phạm Văn T có biết. Nay chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T ly hôn chị yêu cầu chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T phải trả cho chị nợ gốc là 320.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật đối với 200.000.000 đồng tính từ ngày nợ đến hạn 25-3-2017.

Người có quyền lợi, nghĩa liên quan chị Phạm Thị T trình bày: Ngày 06-3-2017 chị cho chị Quách Thị H vay 220.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy, chị Quách Thị H ký, mục đích để đáo hạn ngân hàng, hạn đến ngày 25-3-2017 trả. Anh Phạm Văn T có biết, khi chị đến yêu cầu trả anh Phạm Văn T có nói “*Chị chờ mấy ngày nữa để giải quyết việc gia đình, đáo hạn ngân hàng lấy tiền ra sẽ trả*”. Nay chị Quách Thị H, anh Phạm Văn T ly hôn chị yêu cầu chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T phải trả số nợ gốc là 220.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày nợ đến hạn 25-3-2017 theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa liên quan chị Nguyễn Thị S trình bày: Ngày 14-3-2017 chị cho chị Quách Thị H vay 135.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy, chị Quách Thị H ký, mục đích để đáo hạn ngân hàng, hạn đến ngày 25-3-2017 trả. Nay chị Quách Thị H, anh Phạm Văn T ly hôn chị yêu cầu chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T phải trả nợ gốc 135.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Người có quyền lợi, nghĩa liên quan bà Phạm Thị M trình bày: Ngày 01-01-2017 bà cho chị Quách Thị H vay 270.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy, chị Quách Thị H ký, hạn đến ngày 03-4-2017 trả. Nay chị Quách Thị H, anh Phạm Văn T ly hôn bà yêu cầu chị Quách Thị H phải trả nợ gốc 270.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Người có quyền lợi, nghĩa liên quan chị Đỗ Thị H trình bày: Ngày 15-3-2017 chị cho chị Quách Thị H vay 20.000.000 đồng; Ngày 30-3-2017 chị Quách Thị H vay thêm 100.000.000 đồng. Tổng cộng 02 lần là 120.000.000 đồng. Ngày 13-4-2017 chị Quách Thị H trả cho chị 50.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy, chị Quách Thị H ký, mục đích để đáo hạn ngân hàng. Nay chị Quách Thị H, anh Phạm Văn T ly hôn chị yêu cầu chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T phải trả cho chị nợ gốc còn lại 70.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Người có quyền lợi, nghĩa liên quan chị Huỳnh Thị Yến L trình bày: Ngày 14-5-2017 chị cho chị Quách Thị H, anh Phạm Văn T vay 90.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy, chị Quách Thị H ký, mục đích để đáo hạn ngân hàng. Nay chị Quách Thị H, anh Phạm Văn T ly hôn chị yêu cầu chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T phải trả nợ gốc 90.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Người có quyền lợi, nghĩa liên quan anh Phạm Văn L trình bày: Ngày 24-3-2016 anh cho chị Quách Thị H, anh Phạm Văn T vay 400.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy, anh Phạm Văn T ký, mục đích xoay vòng vốn, phát triển kinh tế gia

đình. Nay chị Quách Thị H, anh Phạm Văn T ly hôn anh yêu cầu chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T phải trả cho anh nợ gốc 400.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 24-3-2016 theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa liên quan anh Phạm Văn B và người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn B là chị Phạm Thị C trình bày: Anh Phạm Văn B là anh ruột của anh Phạm Văn T, ngày 10-3-2015 anh cho chị Quách Thị H, anh Phạm Văn T vay 430.000.000 đồng, mục đích để mua khoảng 18.000m² đất tại thôn V, xã N, huyện Đ và làm vốn kinh doanh mua cà phê non. Khi vay hai bên có viết giấy, anh Phạm Văn T ký. Nay chị Quách Thị H, anh Phạm Văn T ly hôn anh yêu cầu chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T phải trả nợ gốc 430.000.00 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Người có quyền lợi, nghĩa liên quan anh Phạm Văn K và người đại diện theo ủy quyền là chị Phạm Thị C trình bày: Anh Phạm Văn K là anh ruột của anh Phạm Văn T, ngày 15-10-2016 anh cho chị Quách Thị H, anh Phạm Văn T vay số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy, anh Phạm Văn T ký, mục đích để chi tiêu trong gia đình. Nay chị Quách Thị H, anh Phạm Văn T ly hôn anh yêu cầu chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T phải trả nợ gốc 300.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 15-10-2016 theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của có quyền lợi, nghĩa liên quan Ngân hàng N Việt Nam - Phòng Giao dịch N trình bày: Ngày 25-11-2015 chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T ký vay 250.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5300LAV201507603, hạn trả ngày 26-11-2022, mục đích để trồng mới cà phê. Ngày 31-3-2017 vay thêm 500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5300LAV201702801, mục đích để chăm sóc cà phê và kinh doanh tạp hóa, hạn trả ngày 31-3-2019. Tài sản thế chấp và giữ hộ gồm 04 thửa đất theo đơn yêu cầu chia tài sản chung của chị Quách Thị H. Quan điểm của ngân hàng là nợ đang trong hạn, chị Quách Thị H yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn T thì đề nghị trả nợ trước khi ly hôn. Trường hợp anh Phạm Văn T, chị Quách Thị H không trả thì Ngân hàng sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 34/2018/HNGĐ-ST ngày 04-12-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắc R'láp, quyết định: Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 91; Điều 147; Điều 157; Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 25; Điều 27; Điều 95; Điều 97, Điều 91; Điều 92; Điều 94; Điều 53; Điều 54 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 5 khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Quách Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là Phạm Thị Kiều P, sinh ngày 26-3-2001 và Phạm Thành T, sinh ngày 01-9-2012 đến tuổi trưởng thành.

Anh Phạm Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung cho chị Quách Thị H số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Phương thức cấp dưỡng: Vào ngày 01 hàng tháng, thời gian bắt đầu thực hiện cấp dưỡng kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về tài sản chung:

4.1. Chị Quách Thị H được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền trên đất gồm:

Quyền sử dụng thửa đất số 66, tờ bản đồ số 6, diện tích 594m²; đất trồng cây lâu năm; được UBND thị xã G cấp GCNQSDĐ số BO 750784 ngày 22-11-2013; tọa lạc tại thôn T, xã Đ, thị xã G có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Thành P dài 11m; phía Tây giáp đường nhựa dài 11m; phía Nam giáp đất ông Nguyễn Thành P dài 54,7m; phía Bắc giáp đất ông Bùi Đức T dài 53,3m.

Quyền sử dụng thửa đất số 230, tờ bản đồ số 16, diện tích 755m², trong đó có 135m² đất ở và 620m² đất trồng màu, tọa lạc tại thôn Z, xã N, huyện Đ; được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số AK 238505 ngày 09-7-2007 có tứ cận: Phía Đông giáp ông H1 dài 78m; phía Tây giáp đất ông T1 dài 78 m; phía Nam giáp đường quốc lộ 14 dài 9,55 m; phía Bắc giáp đất bà S1 dài 9,55m và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

Chị Quách Thị H có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền tại địa phương làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

4.2. Anh Phạm Văn T được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền trên đất gồm:

Quyền sử dụng thửa đất số 93, tờ bản đồ số 85, diện tích 18.974m², đất trồng cây lâu năm; tọa lạc tại thôn V, xã N, huyện Đ; được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số AH 591301 ngày 15-12-2006, có tứ cận: phía Đông giáp đất ông Y; phía Tây giáp đất bà B1; phía Nam giáp suối; phía Bắc giáp đường xóm và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

Quyền sử dụng thửa đất số 25, tờ bản đồ số 01ĐL diện tích 29.143m², đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại thôn V, xã N, huyện Đ; được UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số AG 269426 ngày 06-9-2006, có tứ cận: Phía Đông giáp suối; phía Tây giáp đất ông T1; phía Nam giáp đường xóm; phía Bắc giáp đất ông T2, ông T2 và quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

Anh Phạm Văn T phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản chung được hưởng cho chị Quách Thị H số tiền 57.500.000 đồng.

5. Về nợ:

5.1. Chị Quách Thị H có nghĩa vụ trả cho:

- Anh Tạ Văn T số tiền 8.005.000 đồng nợ gốc;

- Chị Phạm Thị T 253.495.000 đồng. Trong đó 220.000.000 đồng nợ gốc và 33.495.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 25-3-2017;

- Chị Trần Thị T 350.450.000 đồng. Trong đó 320.000.000 đồng nợ gốc và 30.450.000 đồng tiền lãi của số tiền 200.000.000 đồng tính từ ngày 25-3-2017;

- Bà Nguyễn Thị T 20.000.000 đồng nợ gốc;

- Chị Nguyễn Thị S 135.000.000 đồng nợ gốc;

- Bà Phạm Thị M 270.000.000 đồng nợ gốc;

- Chị Đỗ Thị H 70.000.000 đồng nợ gốc;

- Chị Huỳnh Thị Yến L 90.000.000 nợ gốc;

5.2. Anh Phạm Văn T có nghĩa vụ trả cho:

- Anh Tạ Văn T số tiền 8.005.000 đồng nợ gốc;

- Chị Phạm Thị C 200.000.000 đồng nợ gốc;

- Anh Phạm Văn B 430.000.000 đồng nợ gốc;

- Anh Trần Ngọc C, chị Trịnh Thị H 255.300.000 đồng. Trong đó 200.000.000 đồng nợ gốc và 55.300.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 08-11-2015.

- Anh Phạm Văn L 497.000.000 đồng. Trong đó 400.000.000 đồng nợ gốc và 97.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 24-3-2016.

- Anh Phạm Văn K 357.675.000 đồng. Trong đó 300.000.000 đồng nợ gốc và 57.675.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 15-10-2016.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10-12-2018, anh Phạm Văn T kháng cáo phần tài sản và nghĩa vụ trả nợ trong bản án sơ thẩm.

Ngày 03-01-2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông kháng nghị một phần bản án về phần chia tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu như tại phiên tòa sơ thẩm và nội dung đơn kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông giữ nguyên kháng nghị. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung yêu cầu như tại phiên tòa sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng tài sản 03 thửa đất có nguồn gốc hình thành từ bán tài sản riêng của anh Phạm Văn T và vay tiền từ người nhà anh Phạm Văn T. Chị Quách Thị H và anh Phạm Văn T đã thế chấp 04 tài sản quyền sử dụng đất cho ngân hàng. Phía ngân hàng chưa có ý kiến thỏa thuận cho chia tài sản thế chấp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản thế chấp là không đúng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Phạm Thị T, chị Trần Thị T và anh Phạm Văn L cho rằng khoản tiền cho anh Phạm Văn T, chị Quách Thị H vay là tài sản chung của gia đình nhưng không đưa vợ anh Nguyễn Văn L, chồng bà Phạm Thị T và bà Trần Thị T tham gia tố tụng là thiếu sót và đề nghị hủy phần chia tài sản để giải quyết lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng tài sản quyền sử dụng đất 04 thửa đất hình thành trong thời kỳ hôn nhân, căn cứ quy định của pháp luật đây là tài sản chung của vợ chồng và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về phần thủ tục: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự hủy phần chia tài sản của bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST ngày 04-12-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp để giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông và đơn kháng cáo của anh Phạm Văn T trong thời hạn luật định, anh Phạm Văn T đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông và kháng cáo của bị đơn đối với bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST ngày 04-12-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp thì thấy:

[2.1]. Đối với kháng cáo của bị đơn về 03 thửa đất anh Phạm Văn T cho rằng đây là tài sản riêng cụ thể là: Thửa đất số 230, tờ bản đồ số 16 diện tích 755m², UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số AK 238505 ngày 09-7-2007, mang tên anh Phạm Văn T; thửa đất số 93, tờ bản đồ số 85 diện tích 18.974m², UBND huyện Đ cấp GCNQSDĐ số AH 591301 ngày 15-12-2006, mang tên anh Phạm Văn T, đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại thôn V, xã N, huyện Đ có nguồn gốc nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn T, bà Nguyễn Thị L theo hợp đồng số 148 ngày 11-3-2015 và đăng ký ngày 13-3-2015; thửa đất số 25, tờ bản đồ số 01ĐL diện tích 29.143m², UBND huyện Đ cấp GCNQSD số AG 269426 ngày 06-9-2006 mang anh tên Phạm Văn T.

Lời khai của anh Phạm Văn T, chị Quách Thị H không chấp nhận. Các thửa đất này đều hình thành và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Phạm Văn T và chị Quách Thị H, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản chung của vợ chồng theo Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để chia là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo cho rằng các khoản nợ của chị Phạm Thị C 200.000.000 đồng; anh Trần Ngọc C, chị Trịnh Thị H 200.000.000 đồng; anh Phạm Văn L 400.000.000 đồng; anh Phạm Văn B 430.000.000 đồng; anh Phạm Văn K 300.000.000 đồng là nợ chung: Các khoản vay này đều do anh Phạm Văn T ký tên.

Chị Quách Thị H không thừa nhận là nợ chung và không xác định được số tiền vay là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng hoặc vì nhu cầu gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là nợ riêng của anh Phạm Văn T là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa cháu Phạm Thị Kiều N, sinh năm 1998 và cháu Phạm Thị Kiều P, sinh năm 2001 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hội đồng xét xử thấy rằng cấp sơ thẩm đã lấy lời khai cháu Phạm Thị Kiều N và cháu Phạm Thị Kiều P. Hai cháu đều xác định tài sản quyền sử dụng đất là tài sản của cha mẹ tạo ra. Hai cháu không có công sức đóng góp gì, không yêu cầu gì về tài sản, vì lý do đang còn đi học nên đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng (Bút lục số 53 đến bút lục số 60). Tòa án cấp sơ thẩm không đưa cháu Phạm Thị Kiều N và cháu Phạm Thị Kiều P vào tham gia tố tụng là đúng. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là không có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án bỏ sót người tham gia tố tụng đối với chị Th, vợ anh Phạm Văn L, chồng bà Phạm Thị T và bà Trần Thị T làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận quan điểm này của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông.

[3]. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng và nội dung cụ thể như sau:

Theo lời khai của của chị Quách Thị H, anh Phạm Văn T, lời khai Ngân hàng N Việt Nam - Phòng Giao dịch N (Bút lục số 439), toàn bộ 04 thửa đất của anh Phạm Văn T, chị Quách Thị H đã thế chấp cho Ngân hàng N Việt Nam - Phòng Giao dịch N để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho khoản vay 750.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 5300LAV201507603 ngày 25-11-2015 và hợp đồng tín dụng số: 5300LAV201702801 ngày 31-3-2017. Ngân hàng yêu cầu anh Phạm Văn T, chị Quách Thị H trả nợ trước khi ly hôn; trường hợp anh Phạm Văn T, chị Quách Thị H không trả thì ngân hàng khởi kiện trong vụ án khác.

Theo quy định về thế chấp tài sản của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Bộ luật Dân sự năm 2015, việc thế chấp có thời hạn cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ được bảo đảm, không được bán, trao đổi, tặng cho và chuyển dịch tài sản thế chấp. Theo quy định trên, nếu có việc chia tài sản thế chấp thì phải được sự đồng ý của bên nhận thế chấp tài sản và phải giao nghĩa vụ trả nợ cho các đương sự.

Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ vay vốn, thế chấp, xem có thế chấp như đương sự khai hay không; không hỏi ý kiến của bên nhận thế chấp tài sản nhưng đã chia tài sản thế chấp cho chị Quách Thị H, anh Phạm Văn T,

không giao trách nhiệm trả nợ, đồng thời còn tuyên cho đương sự được liên hệ với cơ quan quản lý đất đai địa phương làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp là không đúng và ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bên nhận thế chấp tài sản.

Ngoài ra chị Quách Thị H, anh Phạm Văn T còn khai cầm cố xe ô tô Jaisy 07 chỗ biển kiểm soát 47T-1304 và xe mô tô Honda Vision biển kiểm soát 48H1-100.97 cho bà Th để vay tiền nhưng không xác định họ và tên, địa chỉ của bà Th ở đâu để đưa bà Th vào tham gia tố tụng và xem xét về số nợ cũng như tài sản cầm cố. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Phạm Thị T, chị Phạm Thị T, anh Phạm Văn L cho rằng số tiền cho anh Phạm Văn T, chị Quách Thị H vay là tài sản chung của gia đình nhưng không đưa vợ anh Phạm Văn L, chồng chị Phạm Thị T và chị Trần Thị T tham gia tố tụng là bỏ sót đương sự.

Những vi phạm của cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn T, hủy một phần bản án sơ thẩm về việc chia tài sản chung, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận, bản án bị hủy một phần nên anh Phạm Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông; chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn T.

Hủy một phần bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 34/2018/HNGĐ-ST ngày 04-12-2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp về việc chia tài sản chung, chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho anh Phạm Văn T 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí phúc thẩm được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0003758 ngày 14-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk R'lấp;
- VKSND huyện Đắk R'lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Tài Sử